

2. Kỹ năng

- Lập được dàn ý cho bài văn tả chiếc áo mặc đến lớp (BT2).

3. Thái độ

- HS tích cực, tự giác, có ý thức quan sát

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Tranh minh hoạ bài học

- HS: SBT, bút, ...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:(5p) + Nêu câu tạo bài văn miêu tả đồ vật? + Đọc phần mở bài, bài kết cho đoạn thân bài tả cái trống. - GV nhận xét, đánh giá chung, nêu mục tiêu, yêu cầu bài học	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + Bài văn miêu tả đồ vật có ba phần là mở bài, thân bài và kết bài, .. + 2 HS đứng tại chỗ đọc.
2. Hình thành KT (15p) * Mục tiêu: Nắm vững cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của bài văn miêu tả; hiểu vai trò của quan sát trong việc miêu tả những chi tiết của bài văn, sự xen kẽ của lời tả với lời kể (BT1). Lập được dàn ý cho bài văn miêu tả chiếc áo mặc đến lớp * Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp	
Bài 1: Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi. - GV giới thiệu tranh vẽ, giới thiệu chung nội dung bài <i>a. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài trong bài văn Chiếc xe đạp của chú Tư.</i>	- 1 HS đọc thành tiếng – Lớp theo dõi - HS đọc phần Chú giải một số từ khó - 1 HS đọc 4 câu hỏi cuối bài - Thảo luận nhóm 4 – Chia sẻ lớp về câu trả lời + Mở bài: <i>Trong làng tôi hầu như ai cũng biết ...đến chiếc xe đạp của chú.</i> (giới thiệu về chiếc xe đạp của chú Tư – MB trực tiếp) + Thân bài: <i>ở xóm vườn, có một chiếc xe đạp ...đến Nó đá đó.</i> (Tả chiếc xe đạp và tình cảm của chú Tư đối với chiếc xe).

b. Ở phần thân bài, chiếc xe đạp được miêu tả theo trình tự nào?

c. Tác giả quan sát chiếc xe đạp bằng giác quan nào?

d. Những lời kể chuyện xen lẫn lời miêu tả trong bài văn... Lời kể nói lên điều gì về tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp?

GV: Khi miêu tả, ngoài việc quan sát tỉ mỉ đồ vật, cần phải bộc lộ được tình cảm của mình với đồ vật đó. Khi tả có thể xen lẫn giọng kể để tình cảm được bộc lộ một cách tự nhiên, chân

+ Kết bài: *Đám con nít cười rộ, còn chú thì hãnh diện với chiếc xe của mình.* (Nói lên niềm vui của đám con nít với chú Tư bên chiếc xe – kết bài tự nhiên- không mở rộng)

- Tả bao quát chiếc xe.

+ Xe đẹp nhất, không có chiếc xe nào sánh bằng.

- Tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật.

+ Xe màu vàng hai cái vành láng coóng, khi ngừng đạp xe ro ro thật êm tai.

+ Giữa tay cầm có gắn hai con bướm bằng thiếc với cánh vàng lấm tấm đỏ, có khi là một cành hoa.

- Nói về tình cảm của chú Tư với chiếc xe

+ Bao giờ dừng xe, chú cũng rút giẻ dưới yên, lau, phủi sạch sẽ.

+ Chú âu yếm gọi chiếc xe là con ngựa sắt, dặn bọn trẻ đừng đụng vào con ngựa sắt.

- Tác giả quan sát chiếc xe đạp bằng:

• Mắt nhìn: Xe màu vàng, hai cái vành láng bóng. Giữa tay cầm là hai con bướm bằng thiếc với hai cánh vàng lấm tấm đỏ, có khi chú cắm cả một cành hoa.

• Tai nghe: Khi ngừng đạp, xe ro ro thật êm tai

+ Những lời kể chuyện xen lẫn lời miêu tả trong bài văn: Chú gắn hai con bướm bằng thiếc với hai cánh vàng lấm tấm đỏ, có khi chú cắm cả một cành hoa. Bao giờ dừng xe, chú cũng rút cái dẻ dưới yên, lau, phủi sạch sẽ. Chú âu yếm gọi chiếc xe của mình là con ngựa sắt. Chú dặn bạn nhỏ: “Coi thì coi, đừng đụng vào con ngựa của tao nghe bây”. Chú thì hãnh diện với chiếc xe của mình.

+ Những lời kể xen lẫn lời miêu tả nói lên tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp: Chú yêu quý chiếc xe, rất hãnh diện vì nó.

- Lắng nghe

thành nhất.

Bài 2: Lập dàn ý cho bài văn tả chiếc áo em mặc đến lớp hôm nay.

- Gọi ý:
- + Lập dàn ý tả chiếc áo mà em đang mặc hôm nay chứ không phải cái mà em thích.
- + Dựa vào các bài văn: *Chiếc cối tân, chiếc xe đạp của chú Tư ...* để lập dàn ý.
- GV giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

- Gọi HS làm bài của mình. GV ghi nhanh các ý chính lên bảng để có một dàn ý hoàn chỉnh dưới hình thức câu hỏi để HS tự lựa chọn câu trả lời cho đúng với chiếc áo đang mặc.

- Gọi HS đọc dàn ý
*** Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 lập được dàn ý cho bài văn**

- 4. HD ứng dụng (1p)**
- 5. HD sáng tạo (1p)**

- HS đọc yêu cầu – Gạch chân từ ngữ quan trọng

- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp
a) Mở bài: *Giới thiệu chiếc áo em mặc đến lớp hôm nay:* là một chiếc áo sơ mi đã cũ hay mới, mặc đã bao lâu?

b) Thân bài:- *Tả bao quát chiếc áo (dáng, kiểu, rộng, hẹp, vải, màu ...)*

- + Áo màu gì?
- + Chất vải gì? Chất vải ấy thế nào?
- + Dáng áo trông thế nào (rộng, hẹp, bó ...)?
- Tả từng bộ phận (thân áo, tay áo, nẹp, khuy áo ...)

- + Thân áo liền tay xẻ tà?
- + Cổ mềm hay cứng, hình gì?
- + Túi áo có nắp hay không? hình gì?
- + Hàng khuy màu gì? Đơm bằng gì?

c) Kết bài:- *Tình cảm của em với chiếc áo:*

- Em thể hiện tình cảm thế nào với chiếc áo của mình?
- + Em có cảm giác gì mỗi lần mặc áo?
- Hoàn thành dàn ý cho bài văn tả chiếc áo
- Lập dàn ý chi tiết hơn.

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

KHÔNG KHÍ CÓ Ở ĐÂU VÀ CÓ TÍNH CHẤT GÌ? (T2)



KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT CÓ KHÔNG KHÍ? (theo PP BTNB)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết được không khí có ở xung quanh mọi vật và mọi chỗ rỗng bên trong vật

2. Kỹ năng

- Làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí.

3. Thái độ

- Yêu thích khoa học, ham tìm tòi, khám phá

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**BVMT: Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

II. CHUẨN BỊ :

1. Đồ dùng

- GV: Các hình minh họa trong SGK (Phóng to nếu có điều kiện).

- HS: Mỗi nhóm: 1 cốc thủy tinh rỗng, một cái thìa, bong bóng có nhiều hình dạng khác nhau chai nhựa rỗng với các hình dạng khác nhau ly rỗng với các hình dạng khác nhau, bao ni lông với các hình dạng khác nhau, bơm tiêm bơm xe đạp, quả bóng.

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. Khởi động (5p)

+ *Vì sao chúng ta phải tiết kiệm nước?*

+ *Chúng ta nên làm gì và không nên làm gì để tiết kiệm nước?*

- GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới.

- TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét

+ *Để có nước sạch chúng ta phải tốn nhiều công sức, tiền của mới có được, ...*

+ *Không nên sử dụng nước sạch một cách bừa bãi, .*

2. Bài mới: (30p)

* **Mục tiêu:** Làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí.

* **Cách tiến hành:** Cá nhân-Nhóm- Lớp

Hoạt động 1: Chứng minh không khí có ở quanh mọi vật .

***Bước 1: Đưa ra tình huống xuất phát**

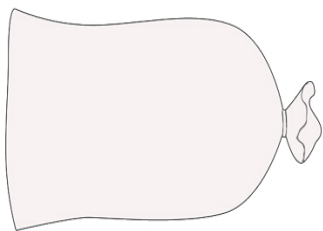
và nêu vấn đề:

- Không khí rất cần cho sự sống. Vậy không khí có ở đâu? Làm thế nào để biết có không khí?

***Bước 2: Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS**

***Bước 3: Đề xuất các câu hỏi và phương án tìm tòi.**

- Gv cho học sinh quan sát bao ni lông căng phồng và định hướng cho học sinh nêu thắc mắc, đặt câu hỏi



- GV chốt các câu hỏi của các nhóm (nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung bài học)

Câu hỏi: Trong bao ni lông căng phồng có gì?

***Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi**

- Gv tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất và tiến hành thí nghiệm nghiên cứu theo nhóm 4 để tìm câu trả lời

***Bước 5: Kết luận kiến thức**

- Gv tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.

- Gv hướng dẫn học sinh so sánh lại với

- HS làm việc cá nhân: ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở thí nghiệm về không khí và trình bày ý kiến.

- HS làm việc theo nhóm 4: tổng hợp các ý kiến cá nhân để đặt câu hỏi theo nhóm:

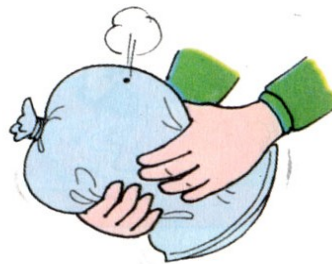
+ Tại sao túi ni lông căng phồng?

+ Cái gì làm cho túi ni lông căng phồng?

+ Trong túi ni lông có cái gì?

...

- HS tiến hành thí nghiệm: nhóm thảo luận cách thức để thực hiện bài thí nghiệm, ghi chép quá trình thí nghiệm và viết nhận xét: Dùng kim đâm thủng túi ni lông căng phồng, đặt tay vào lỗ thủng học sinh cảm nhận có một luồng không khí mát bay ra từ lỗ thủng.



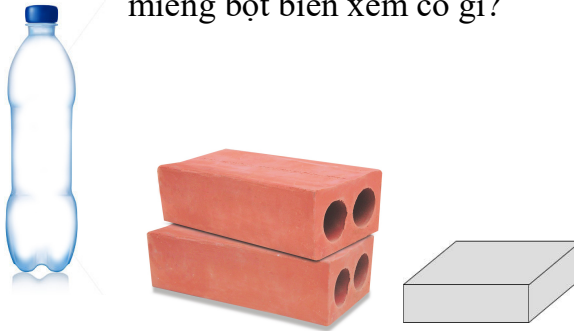
các ý kiến ban đầu của học sinh ở bước 2 để khắc sâu kiến thức.

- Gv tổng kết và ghi bảng: *Xung quanh mọi vật đều có không khí.*

Hoạt động 2: Chứng minh không khí có trong những chỗ rỗng của mọi vật.

***Bước 1: Đưa ra tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**

- Xung quanh mọi vật đều có không khí. Vậy quan sát cái chai, hay hòn gạch, miếng bọt biển xem có gì?



***Bước 2: Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS**

***Bước 3: Đề xuất các câu hỏi và phương án tìm tòi.**

- Gv cho HS quan sát cái chai, viên gạch, miếng bọt biển... và định hướng cho học sinh nêu thắc mắc, đặt câu hỏi.

- GV chốt các câu hỏi của các nhóm (nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung bài học)

Câu 1: Trong chai rỗng có gì?

Câu 2: Những chỗ rỗng bên trong hòn gạch có gì?

Câu 3: Những chỗ rỗng bên trong miếng bọt biển có gì?

*** Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi**

- Gv tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất và tiến hành thí nghiệm nghiên cứu theo nhóm 4 để tìm câu trả lời cho câu hỏi ở bước 3 (3 thí nghiệm)

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận

- Học sinh so sánh tìm hiểu kiến thức

- HS theo dõi nhắc lại kiến thức mới.

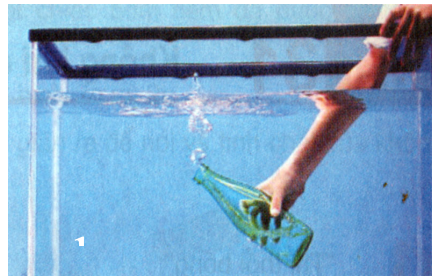
- HS làm việc cá nhân: ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở thí nghiệm về vấn đề có gì trong cái chai, viên gạch, miếng bọt biển

- HS thảo luận theo nhóm 4 lấy ý kiến cá nhân nêu thắc mắc của nhóm.

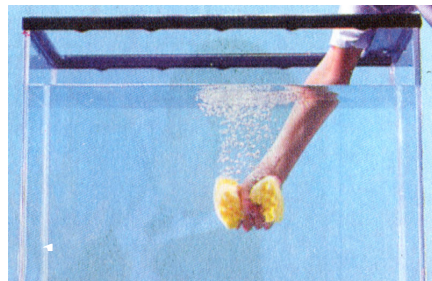
- Hs theo dõi

- HS làm thí nghiệm

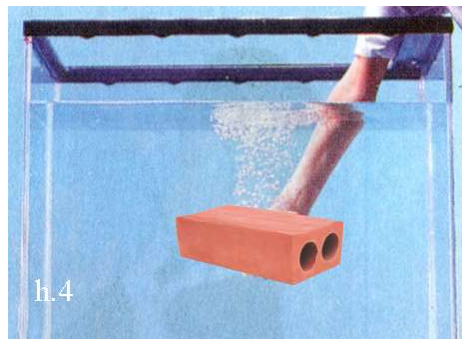
+ Thí nghiệm 1: Đặt chai rỗng vào trong chậu nước, quan sát thấy có bọt khí nổi lên chứng tỏ phần rỗng trong chai có không khí.



+ Thí nghiệm 2: Đặt miếng bọt biển vào trong chậu nước dùng tay nén miếng bọt biển, quan sát thấy có bọt khí nổi lên chứng tỏ những chỗ rỗng bên trong miếng bọt biển có không khí.



+ Thí nghiệm 3: Đặt viên gạch xây vào trong chậu nước, quan sát thấy có bọt khí nổi lên, chứng tỏ những chỗ rỗng trong viên gạch có chứa không khí.



***Bước 5: Kết luận kiến thức mới**

- Gv tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.

- Gv hướng dẫn học sinh so sánh lại với các ý kiến ban đầu của học sinh ở bước 2 để khắc sâu kiến thức.

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận
- Học sinh so sánh tìm hiểu kiến thức

- HS theo dõi nhắc lại kiến thức mới.

- Gv tổng kết và ghi bảng: *Những chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí*

Hoạt động 3: Hệ thống hóa kiến thức về sự tồn tại của không khí

- Gv lần lượt nêu các câu hỏi cho HS thảo luận:

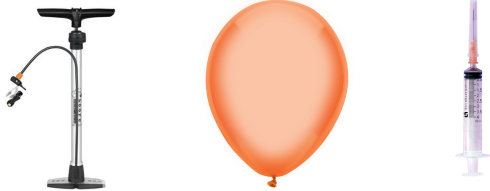
+ *Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là gì?*

+ *Tìm ví dụ chứng tỏ không khí có ở xung quanh ta và không khí có trong từng chỗ rỗng của mọi vật*

- Nhận xét, kết luận, giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ bầu không khí.

3. Hoạt động ứng dụng (1p)

- Cho HS quan sát các quả bóng, cái bơm tiêm, cái bơm xe đạp và cho các em trả lời các câu hỏi



+ *Trong các quả bóng có gì?*

+ *Trong cái bơm tiêm, bơm xe có gì? Điều đó chứng tỏ không khí có ở đâu?*

4. Hoạt động sáng tạo (1p)

+ *Khi bơm mực em thấy có hiện tượng gì xảy ra? Điều đó chứng tỏ điều gì?*

+ *Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là khí quyển.*

+ HS nêu ví dụ

- HS quan sát vật thật và suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV

- HS nêu hiện tượng và giải thích

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 14 tháng 12 năm 2018

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

GIỮ PHÉP LỊCH SỰ KHI ĐẶT CÂU HỎI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- **Nắm được phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác: biết thưa gửi, xưng hô phù hợp với quan hệ giữa mình và người được hỏi; tránh những câu hỏi tò mò hoặc làm phiền lòng người khác (ND Ghi nhớ).**

2. Kỹ năng

- Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật, tính cách của nhân vật qua lời đối đáp (BT1, BT2 mục III).

3. Thái độ

- Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

* **KNS:** - *Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp*

- *Lắng nghe tích cực*

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng lớp viết sẵn bài tập 1 phần nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5p) - Bạn hãy đặt câu có từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia trò chơi? - Dẫn vào bài mới	- HS nối tiếp đặt câu
2. Hình thành KT (15p) * Mục tiêu: Nắm được phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác: biết thưa gửi, xưng hô phù hợp với quan hệ giữa mình và người được hỏi; tránh những câu hỏi tò mò hoặc làm phiền lòng người khác (ND Ghi nhớ). * Cách tiến hành:	
a. Phân Nhận xét: Bài 1: <i>Tìm câu hỏi trong khổ thơ dưới đây..</i> - Yêu cầu HS trao đổi và tìm từ ngữ theo YC. + <i>Câu hỏi?</i> + <i>Từ thể hiện thái độ lễ phép?</i> *KL: <i>Khi muốn hỏi chuyện người khác, chúng ta cần giữ phép lịch sự như cần thưa gửi, xưng hô cho phù hợp: ời, ạ, dạ, thưa ...</i> Bài 2: <i>Em muốn biết sở thích của. . .</i> - Gọi HS đặt câu. Sau mỗi HS đặt câu - GV chú ý sửa lỗi dùng từ, cách diễn đạt cho HS (nếu có)	Cá nhân- Nhóm 2- Lớp - HS đọc và xác định yêu cầu BT - HS ngồi cùng bàn, trao đổi, dùng bút chì gạch chân những từ ngữ thể hiện thái độ lễ phép của người con. + <i>Mẹ ơi, con tuổi gì?</i> + <i>Lời gọi: Mẹ ơi</i> - Lắng nghe - Tiếp nối nhau đặt câu. VD: a) Với cô giáo hoặc thầy giáo em: + <i>Thưa cô, cô có thích mặc áo dài không ạ?</i> + <i>Thưa cô, cô có thích ca sĩ Mỹ Linh</i>

* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.

- YC HS M3+M4 đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa.

Bài 3

+ Theo em, để giữ lịch sự, cần tránh những câu hỏi có nội dung như thế nào?

+ Lấy ví dụ về những câu mà chúng ta không nên hỏi?

* GV: Để giữ phép lịch sự, khi hỏi chúng ta cần tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác, những câu hỏi chạm vào lòng tự ái hay nỗi đau của người khác.

+ Để giữ phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác thì cần chú ý những gì?

b. Ghi nhớ:

3. Hoạt động thực hành (18p)

* Mục tiêu: Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật, tính cách của nhân vật qua lời đối đáp (BT1, BT2 mục III).

* Cách tiến hành:

Bài 1: Cách hỏi và đáp trong mỗi đoạn đối thoại dưới đây thể hiện quan hệ.. .

- Nhận xét, kết luận lời giải đúng.

không ạ?

+ Thừa thầy, những lúc nhàn rỗi, thầy thích xem phim, đọc báo hay nghe ca nhạc ạ?

b) Với bạn em:

+ Bạn có thích mặc quần áo đồng phục không?

+ Bạn có thích thả điều không?

+ Bạn thích xem phim hơn hay ca nhạc hơn?

- HS đọc và xác định yêu cầu BT

+ Để giữ lịch sự, cần tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác, gây cho người khác sự buồn chán.

VD:

+ Cậu không có áo sao mà toàn mặc áo cũ không vậy?

+ Thừa bác, sao bác hay sang nhà cháu mượn nôi thế ạ?

- Lắng nghe

+ Để giữ phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác cần: Thừa gửi: xưng hô cho phù hợp với quan hệ của mình và người được hỏi. Tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác.

- 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm.

- Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Đ/a:

a)+ Quan hệ giữa hai nhân vật là quan hệ thầy – trò.

+ Thầy Rơ – nê hỏi Lu – i rất ân cần, trù mến, chứng tỏ thầy rất yêu học trò.

+ Lu i- Pa – xơ trả lời thầy rất lễ phép cho thấy cậu là một đứa trẻ

+ Qua cách hỏi – đáp ta biết được điều gì về nhân vật?

- **KL:** Do vậy, khi nói các em luôn luôn ý thức giữ phép lịch sự với đối tượng mà mình đang nói. Làm như vậy chúng ta không chỉ thể hiện tôn trọng người khác mà còn tôn trọng chính bản thân mình.

Bài 2: So sánh các câu hỏi trong đoạn văn sau..

- Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu đề bài. Cả lớp đọc thầm

- Trong đoạn trích trên có 3 câu hỏi các bạn tự hỏi nhau, 1 câu hỏi các bạn hỏi cụ già. Các em cần so sánh để thấy câu các bạn nhỏ hỏi cụ già có thích hợp hơn câu hỏi mà các bạn tự hỏi nhau không? Vì sao?

+ Nếu chuyển những câu hỏi mà các bạn tự hỏi nhau để hỏi cụ già thì hỏi thế nào? Hỏi như vậy đã được chưa?

- **KL:** Khi hỏi không phải cứ thưa, gửi là lịch sự mà các em còn phải tránh những câu hỏi thiếu tế nhị, tò mò, làm phiền lòng người khác.

4. HĐ ứng dụng (1p)

ngoan, biết kính trọng thầy giáo.

b) Quan hệ giữa hai nhân vật là quan hệ thù địch: Tên sĩ quan phát xít cướp nước và cậu bé yêu nước.

+ Tên sĩ quan phát xít hỏi rất hách dịch, xác ngược, hấn gọi cậu bé là *thằng nhóc, mày*

+ Cậu bé trả lời trống không vì cậu yêu nước, cậu căm ghét, khinh bỉ tên xâm lược.

+ Qua cách hỏi – đáp ta biết được tính cách, mối quan hệ của nhân vật.

- Lắng nghe

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- HD cá nhân dùng bút chì gạch chân vào câu hỏi trong VBT – Chia sẻ trước lớp:

- Các câu hỏi.

+ *Chuyện gì xảy ra với ông cụ thế nhỉ?*

+ *Chắc là cụ bị ốm?*

+ *Hay cụ đánh mất cái gì?*

+ *Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cụ không ạ*

- Câu hỏi các bạn hỏi cụ già là câu hỏi phù hợp, thể hiện thái độ tế nhị, thông cảm, sẵn lòng giúp đỡ cụ già của các bạn.

- Những câu hỏi mà các bạn tự hỏi nhau mà hỏi cụ già thì chưa thật tế nhị, hơi tò mò.

+ Nếu chuyển những câu hỏi này thành câu hỏi cụ già thì chưa hợp lí với người lớn lắm, chưa tế nhị.

+ Chuyển thành câu hỏi.

- Lắng nghe

- Ghi nhớ cách giữ phép lịch sự khi